

Một số cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Nguyễn Võ Quang Tín*, La Mai Thanh Trúc
Trường Tiểu học An Khánh

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp cơ sở lý luận về 04 cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, bao gồm: (1) Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua mục tiêu; (2) Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua ngữ liệu; (3) Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua phương pháp dạy học; và (4) Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua kiểm tra, đánh giá. Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết và phương pháp khái quát hoá được sử dụng để xác định những cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã trình bày rõ nội hàm của từng cách thức phát triển chương trình, phân tích mối quan hệ giữa các cách thức này, đồng thời đề xuất một số khuyến nghị dành cho cán bộ quản lý ở các trường tiểu học. Kết quả nghiên cứu lý luận có thể là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích đối với giáo viên tiểu học trong việc thực hiện hoạt động phát triển chương trình môn Tiếng Việt đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phát triển chương trình, môn tiếng Việt, tiếp cận năng lực, tiểu học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Việt là một môn học vô cùng quan trọng đối với học sinh tiểu học, là cơ sở để giúp học sinh có thể học tốt những môn học khác. Chính vì thế, môn Tiếng Việt chiếm phần lớn thời lượng trong chương trình ở cấp tiểu học. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có nhiều sự thay đổi về quan điểm, mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục so với các chương trình trước đây [1]. Sự đổi mới chương trình theo định hướng nội dung sang chương trình theo định hướng năng lực là vô cùng cần thiết và phù hợp trong bối cảnh hiện nay và đây cũng là thực tiễn đổi mới giáo dục ở nhiều nước trên thế giới [2].

Phát triển chương trình là hoạt động tập trung vào việc cải thiện và cải tiến chương trình [3]. Đây là hoạt động thường xuyên, bao gồm các khâu đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình trong quá trình thực hiện [4]. Để thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phát triển chương trình là một hoạt động không thể thiếu và có ý nghĩa to lớn [5]. Vì lẽ đó, giáo viên - người trực tiếp thực hiện chương trình, có vai trò vô cùng quan trọng và quyết định nên sự thành công của chương trình [6]. Do đó, nếu phát huy được vai trò chủ động, tích cực của giáo viên trong phát triển chương trình thì sẽ nâng cao được chất lượng, tạo sự phong phú, đa dạng, cập nhật trong các hoạt động dạy học, giáo dục bám sát đối tượng người học, điều kiện của mỗi nhà trường [5].

Trong thực tiễn, các nghiên cứu rà soát việc triển khai thực hiện chương trình môn Tiếng Việt của Trần Thị Hiền Lương và cộng sự [1], Võ Thanh Hà và cộng sự [7] cho thấy rằng, giáo viên vẫn còn gặp một số thách thức nhất định như việc đổi mới phương pháp dạy học còn nhiều bất cập do nhiều giáo viên chưa nắm vững đặc trưng cơ bản về dạy học theo định hướng phát triển năng lực; yêu cầu cần đạt trong chương trình môn học chưa cụ thể, yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc, viết, nói và nghe chưa thể hiện rõ các mức độ đạt khác nhau, khiến cho việc đánh giá học sinh gặp nhiều khó khăn; sách giáo khoa chưa thực sự hỗ trợ tốt cho việc dạy học. Một trong những khó khăn của đội ngũ giáo viên và nhà quản lý trong thực hiện phát triển chương trình hiện nay là công tác hướng dẫn thực hiện và bồi dưỡng năng lực phát triển chương trình còn chưa được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Ngoài ra, chưa có nhiều công trình nghiên cứu nêu rõ về các cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học để cung cấp đầy đủ cơ sở khoa học cho hoạt động này. Từ những cơ sở trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích sẽ cung cấp cơ sở lý luận cho một số cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết: Nghiên cứu các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, sách, giáo trình, các

Tác giả liên hệ: Nguyễn Võ Quang Tín

Email: tinnvq@gmail.com

văn bản, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về vấn đề phát triển chương trình giáo dục, phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học để tìm hiểu, xác định những cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu.

Phương pháp khái quát hoá: Phương pháp này được vận dụng trên cơ sở tổng hợp các quan điểm, lý thuyết từ các nghiên cứu trước đây, giúp hệ thống hóa và xây dựng những luận điểm lý luận cốt lõi phục vụ cho việc phân tích các cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Một số khái niệm liên quan

3.1.1. Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học

Chương trình giáo dục phổ thông là văn bản thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lý chất lượng giáo dục phổ thông; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục phổ thông [4].

Tại Việt Nam, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bao gồm chương trình tổng thể (khung chương trình), các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có chương trình môn Ngữ văn. Ở cấp tiểu học, môn Ngữ văn được gọi là môn Tiếng Việt nên “chương trình môn Tiếng Việt” thực chất là đề cập đến chương trình môn Ngữ văn từ lớp 1 đến lớp 5.

Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học được xây dựng với mục tiêu hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cũng như 02 năng lực đặc thù, bao gồm năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Chương trình môn học này được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp theo cấu trúc thống nhất sau: Đọc (gồm Kỹ thuật đọc và Đọc hiểu), Viết (gồm Kỹ thuật viết và Viết câu, đoạn, văn bản), Nói và nghe (gồm Nói, Nghe và Nói nghe tương tác). Kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học được tích hợp trong quá trình dạy học các kỹ năng này [8]. Điểm mới của chương trình môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đó là không quy định cụ thể ngữ liệu mà chỉ đưa ra hệ thống tiêu chí cụ thể về thể loại văn bản, độ dài để đề xuất cách thức lựa chọn ngữ liệu [9].

3.1.2. Năng lực

Năng lực là một khái niệm rất rộng và rất khó để có

thể định nghĩa được chính xác. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Hoàng Hoà Bình [2] đã chỉ ra các phạm trù của năng lực bao gồm: (1) Phạm trù khả năng; (2) Phạm trù hoạt động và (3) Phạm trù đặc điểm hoặc thuộc tính cá nhân. Phần lớn những định nghĩa về năng lực của các tài liệu nước ngoài quy năng lực vào phạm trù khả năng. Tuy nhiên, trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, khái niệm “năng lực” được định nghĩa như sau: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [4]. Đây cũng là khái niệm chúng tôi tiếp cận trong khuôn khổ của nghiên cứu. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với môn Tiếng Việt ở tiểu học, nơi học sinh cần sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, hiệu quả trong các hoạt động học tập và giao tiếp.

3.1.3. Phát triển chương trình giáo dục và phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học

Phát triển chương trình giáo dục được hiểu là việc xem xét, phân tích, đánh giá để điều chỉnh và bổ sung cho chương trình hiện hành [10]. Tác giả Taba (1962) cho rằng, phát triển chương trình giáo dục là một chu trình bao gồm 07 giai đoạn chính như sau: (1) Đánh giá nhu cầu; (2) Xây dựng các mục tiêu; (3) Chọn lựa nội dung; (4) Sắp xếp nội dung; (5) Chọn lựa các yêu cầu học tập; (6) Tổ chức các hoạt động học tập; và (7) Xác định đối tượng và phương pháp đánh giá [6].

Theo Viện Phát triển chương trình giáo dục Hà Lan (Netherland Institute for Curriculum Development) [3], chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục gồm có 05 mức độ: (1) Chương trình quốc tế; (2) Chương trình quốc gia; (3) Chương trình nhà trường; (4) Chương trình lớp học; và (5) Chương trình cá nhân.

Trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi tiếp cận khái niệm phát triển chương trình giáo dục theo mức độ phát triển chương trình cấp lớp học, với chủ thể là giáo viên. Bản thân mỗi giáo viên khi lên kế hoạch cho lớp học của mình chính là đang phát triển chương trình. Tác giả Đỗ Đức Bình [6] nhận định rằng, phát triển chương trình lớp học là quá trình giáo viên thiết kế, xây dựng bản kế hoạch giáo dục (kế hoạch dạy học) của cá nhân giáo viên phản ánh toàn bộ các hoạt động giáo dục (trong mỗi bài học, trong một chủ đề, một chương, một học kì hay toàn bộ chương trình học của nhà trường), từ xây dựng mục tiêu, chọn lựa các phương pháp và hình thức dạy học, thiết kế các hoạt động, câu hỏi, bài tập, đề

kiểm tra,... nhằm mục đích cơ bản là đảm bảo góp phần phát triển năng lực người học, hình thành nhân cách, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Kế thừa khái niệm “Phát triển chương trình môn Toán ở tiểu học” của tác giả Nguyễn Thị Phương Nhung [11], chúng tôi cho rằng: Phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học là quá trình cụ thể hoá chương trình môn Ngữ văn cấp quốc gia, cấp địa phương, cấp nhà trường do giáo viên linh hoạt, chủ động xác định các mục tiêu, lựa chọn các nội dung, ngữ liệu, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá để từ đó sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học sao cho phù hợp với thực tiễn giáo dục, với nhận thức và năng lực của từng học sinh, nhằm giúp học sinh đáp ứng các yêu cầu cần đạt của môn học.

3.2. Một số cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học

3.2.1. Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua mục tiêu

Theo tác giả Bùi Mạnh Hùng [12], Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đổi mới mục tiêu giáo dục từ cung cấp kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho người học đã chi phối việc thiết kế các mạch nội dung trong các môn học, trong đó có môn Tiếng Việt. Mục tiêu của môn học này đó là giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và trong học tập các môn học khác; hình thành và phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để học sinh phát triển về tâm hồn, nhân cách [8]. Nhiều nghiên cứu đã đồng tình với việc dạy học ngôn ngữ mẹ đẻ trong trường không chỉ cung cấp kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ cho học sinh mà còn cung cấp cho học sinh công cụ thực hành để phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe [12]. Do đó, việc thiết kế chương trình môn Tiếng Việt theo định hướng đổi mới mục tiêu giáo dục, chú trọng phát triển năng lực cho người học là hoàn toàn phù hợp.

Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua mục tiêu là việc người dạy cụ thể hoá mục tiêu chung thành các mục tiêu cụ thể trong từng bài học để phù hợp với từng vùng miền, từng lớp, từng năng lực học sinh [13]. Theo đó, trước hết giáo viên cần phải nắm rõ các yêu cầu cần đạt về nội dung, kiến thức tiếng Việt ở từng khối lớp được quy định cụ thể trong chương trình môn Tiếng Việt; tiếp theo, giáo viên cần phải xác định yêu cầu cần đạt ấy có mối quan hệ gì với mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh để tiến hành xác định các mục tiêu cụ thể vào trong kế hoạch bài dạy.

Ví dụ, đối với yêu cầu cần đạt “Viết được 4 - 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý” ở chương trình lớp 2, đây là một yêu cầu cần đạt chung của môn học mà mỗi học sinh lớp 2 phải đạt được. Như vậy, để thực hiện phát triển chương trình thông qua mục tiêu, trước hết giáo viên cần phải xác định rằng việc đạt được yêu cầu cần đạt này góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của học sinh thông qua việc học sinh liên tưởng, tưởng tượng và sử dụng những từ ngữ để miêu tả hình dáng, kích thước, màu sắc,... của đồ vật mà học sinh muốn tả. Sau đó, giáo viên cần phải dựa vào năng lực, sự hiểu biết của học sinh và các điều kiện thực hiện bài học như cơ sở vật chất, vị trí địa lí của trường học,... để xây dựng kế hoạch bài dạy và xây dựng các tiêu chí đánh giá sao cho phù hợp. Bởi vì có thể học sinh ở thành thị sẽ gần gũi, quen thuộc với những món đồ vật khác với học sinh ở nông thôn, hoặc do vị trí địa lí mà cách sử dụng từ ngữ, ngôn ngữ khi miêu tả của học sinh sẽ không giống nhau,...

3.2.2. Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua ngữ liệu

Ngữ liệu là âm, chữ, văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại được thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học [8]. Trong tổ chức hoạt động môn Tiếng Việt, nhìn từ góc độ “chất liệu”, ngữ liệu bao gồm các loại, các thể loại văn bản và các nhóm, kiểu, dạng bài tập; nhìn từ góc độ mục tiêu hoạt động dạy học môn Tiếng Việt, ngữ liệu bao gồm: Ngữ liệu tổ chức hoạt động đọc, ngữ liệu tổ chức hoạt động viết, ngữ liệu tổ chức hoạt động nói và nghe [5].

Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua ngữ liệu là quá trình giáo viên nhận diện, phân tích, xem xét những ngữ liệu chưa phù hợp để tiến hành điều chỉnh hoặc xây dựng ngữ liệu mới thay thế. Tác giả Nguyễn Thị Xuân Yến [5] cho rằng chất lượng ngữ liệu tác động rất lớn đến mức độ phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của học sinh, bên cạnh các yếu tố khác như phương pháp, biện pháp, kĩ thuật, các điều kiện dạy học, giáo dục,... Do đó, giáo viên cần phải có những kĩ năng tương ứng để thực hiện phát triển chương trình thông qua ngữ liệu một cách có hiệu quả, bao gồm các kĩ năng như: (1) Kĩ năng phân tích, chọn lựa ngữ liệu; (2) Kĩ năng xây dựng ngữ liệu; và (3) Kĩ năng điều chỉnh ngữ liệu [5].

Có nhiều lí do và động cơ để giáo viên thực hiện phát triển chương trình thông qua ngữ liệu, ví dụ như ngữ liệu không đáp ứng các tiêu chí của chương trình về nội dung, hình thức, thể loại văn bản. Hoặc cũng có thể là khi ngữ liệu chưa thực sự phù hợp với mức độ nhận thức và năng lực đọc hiểu ngữ liệu của học sinh. Lúc này, giáo viên hoàn toàn có thể điều chỉnh

(thay thế hoàn toàn ngữ liệu hiện tại bằng ngữ liệu khác, hay thêm bớt một số từ trong ngữ liệu) hoặc tự mình xây dựng, tạo lập nên ngữ liệu mới. Đặc biệt, cần phải lưu ý rằng, việc điều chỉnh, xây dựng ngữ liệu không được thực hiện một cách tùy tiện mà phải bám vào những tiêu chí về ngữ liệu được quy định trong chương trình, bao gồm các yêu cầu về loại văn bản, thể loại văn bản, độ dài văn bản sao cho các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của học sinh ở từng lớp học [8]. Ngoài ra, nội dung và hình thức của ngữ liệu cần phải được đảm bảo để không bị thiếu hụt hay dư thừa nội dung giáo dục đã quy định của chương trình [5].

3.2.3. Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua phương pháp dạy học

Theo tác giả Đỗ Ngọc Thống [14], phương pháp dạy học là cách thức hoạt động của giáo viên khi thực hiện dạy học, quy định mô hình hoạt động của giáo viên nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh đối tượng và đạt được mục tiêu bài học. Với môn Tiếng Việt, nhìn ở góc độ phương pháp dạy học các hoạt động, có thể xác định một số phương pháp dạy học đặc thù sau đây: (1) Phương pháp dạy đọc đúng và đọc diễn cảm; (2) Phương pháp dạy đọc hiểu; (3) Phương pháp dạy viết đúng; (4) Phương pháp dạy viết đoạn văn và văn bản và (5) Phương pháp dạy nói và nghe [14]. Trong mỗi phương pháp nêu trên lại có nhiều kĩ thuật dạy học, có thể kể đến các kĩ thuật như: Mảnh ghép, XYZ, khăn trải bàn, phòng tranh, công não, bể cá, sơ đồ tư duy,...

Ở cấp độ vĩ mô, phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua phương pháp dạy học có thể được hiểu là quá trình thiết kế, xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình giáo dục, trong đó các phương pháp dạy học được tích hợp ngay từ giai đoạn hoạch định để đảm bảo chương trình đạt được mục tiêu giáo dục một cách hiệu quả khi triển khai thực tế. Tuy nhiên, khi nhìn nhận từ góc độ phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua phương pháp dạy học ở lớp học, đây được hiểu là hoạt động giáo viên xem xét, lựa chọn, sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học để tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh. Các phương pháp dạy học cần phải phù hợp với từng nội dung bài học, với từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm giúp học sinh bộc lộ các biểu hiện đã xác định trong mục tiêu bài học, đáp ứng yêu cầu cần đạt trong chương trình môn học. Mỗi phương pháp được sử dụng đều phải được xem xét rằng liệu đó có phải là phương pháp phù hợp nhất để phát triển kĩ năng tiếng Việt đó hay chưa. Chẳng hạn như trong tiết học nói và nghe, giáo viên cần phải sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy

học như sắm vai, vấn đáp, động não,... để tổ chức các hoạt động học tập sao cho học sinh được nói và được nghe nhiều nhất có thể. Ngoài ra, cũng cần phải lưu ý rằng, giáo viên nên tránh máy móc rập khuôn, không tuyệt đối hóa một phương pháp nào trong dạy đọc, viết hay nói và nghe nào mà cần phải biết vận dụng các phương pháp phù hợp với từng đối tượng học sinh, bối cảnh nội dung và mục đích của giờ học [15].

Tác giả Trần Thị Hiền Lương và cộng sự [1] quan điểm rằng, thay đổi đa dạng các phương pháp dạy học đồng nghĩa với việc cách thức tổ chức hoạt động học tập của học sinh cũng được đổi mới. Ví dụ, các hoạt động học không chỉ được giới hạn trong phạm vi lớp học nữa, thay vào đó là được mở rộng, như là ở thư viện, bảo tàng, các làng nghề truyền thống, các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh,... thông qua tổ chức cho học sinh đi tham quan, dã ngoại, học tập ngoại khoá và yêu cầu các em ghi chép, chụp hình, quay video, viết, vẽ, thuyết trình, báo cáo về những gì được quan sát và trải nghiệm. Tuy nhiên, không phải bài học nào cũng có thể tổ chức thực hiện với các hình thức học tập như thế, mà nó phải phụ thuộc vào nội dung, chủ đề, bài học trong chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt có phù hợp với những đặc trưng của lí thuyết dạy học trải nghiệm và có tính khả thi hay không [16]. Do đó, để thực hiện phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua phương pháp dạy học có hiệu quả, giáo viên trước hết cần phải xác định rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt của từng hoạt động, từng bài học để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với hoạt động ấy; tiếp theo đó là xem xét nội dung bài học có thể tích hợp nội môn, liên môn được hay không để lồng ghép, thực hiện dạy học tích hợp cho học sinh; và cuối cùng là xem xét năng lực của từng học sinh đang ở mức nào để tiến hành lựa chọn phương pháp giảng dạy và xây dựng hoạt động học tập sao cho phù hợp, đảm bảo tính vừa sức.

3.2.4. Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua kiểm tra, đánh giá

Phát triển chương trình môn Tiếng Việt thông qua kiểm tra, đánh giá là quá trình sử dụng có hệ thống các công cụ, tiêu chí và kết quả đánh giá làm căn cứ để điều chỉnh, thiết kế lại mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm nâng cao chất lượng và tính phù hợp của chương trình với thực tiễn giáo dục.

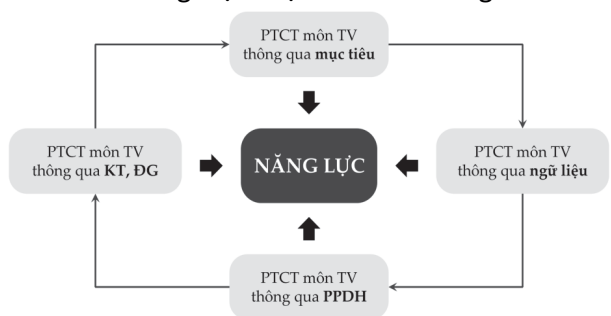
Các tiêu chí để đánh giá phẩm chất, năng lực đòi hỏi phải đánh giá được mức độ học sinh đáp ứng mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học [13]. Do đó, giáo viên cần thiết kế và sử dụng công cụ đánh giá (câu

hỏi, bài tập, phiếu quan sát, rubrics, bảng kiểm,...) phù hợp với các hoạt động học (khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng) và phù hợp với kĩ năng cần rèn luyện (đọc, viết, nói và nghe) để đo lường được phẩm chất và năng lực của mỗi học sinh qua mỗi bài học [13]. Tiếp đến, giáo viên cần lựa chọn phương pháp đánh giá tương ứng để đánh giá mức độ, thái độ tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh, cũng như đánh giá mức độ học sinh đáp ứng các yêu cầu cần đạt của môn học. Các phương pháp đánh giá bao gồm quan sát, vấn đáp, kiểm tra viết và đánh giá qua hồ sơ, sản phẩm, hoạt động học tập của học sinh. Mỗi phương pháp kiểm tra sẽ phù hợp với những công cụ đánh giá khác nhau và phù hợp với những hoạt động khác nhau.

Kết quả đánh giá sẽ giúp giáo viên xác định được mức độ phù hợp của các mục tiêu, các ngữ liệu và các phương pháp dạy học đã được sử dụng. Đây là cơ sở để giáo viên tiến hành đánh giá lại mục tiêu ban đầu, xem xét liệu rằng các mục tiêu, yêu cầu cần đạt đã góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ cho học sinh, hay mục tiêu đã phù hợp với năng lực của học sinh hay chưa. Kết quả đánh giá còn phản ánh mức độ phù hợp của ngữ liệu đã sử dụng để làm căn cứ cho việc điều chỉnh, xây dựng ngữ liệu thay thế. Ngoài ra, kết quả đánh giá cũng cho giáo viên nhận biết được sự phù hợp của các phương pháp, hình thức dạy học đã áp dụng, liệu rằng phương pháp, hình thức dạy học đó có đủ lôi cuốn, hấp dẫn học sinh và giúp học sinh hình thành các phẩm chất và năng lực, đáp ứng các yêu cầu cần đạt hay chưa.

3.3. Mối liên hệ giữa các cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học

Mối liên hệ giữa các cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt được biểu diễn bằng sơ đồ sau:



Hình 1. Sơ đồ thể hiện mối liên hệ giữa các cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học

Một trong những điểm mới then chốt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đó là tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực người học và cách tiếp cận này tác động đến tất cả mọi yếu tố của quá trình dạy học [17]. Bản chất của giáo dục theo tiếp

cận năng lực là lấy năng lực làm cơ sở để tổ chức chương trình và thiết kế nội dung học tập [17], điều đó có nghĩa năng lực là đích đến cuối cùng của quá trình dạy học (bao gồm xác định các yêu cầu cần đạt; lựa chọn ngữ liệu, phương pháp dạy học) và là kết quả cuối cùng cần đạt của việc kiểm tra, đánh giá.

Tác giả Đỗ Đức Bình [6] đã đưa ra quy trình phát triển chương trình lớp học bao gồm các bước: (1) Xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt; (2) Xác định chuỗi hoạt động học tập của người học; (3) Xác định hình thức, phương pháp tổ chức dạy học; (4) Xác định phương pháp kiểm tra, đánh giá và (5) Điều chỉnh và hoàn thiện chương trình. Các bước trong quy trình cho thấy, xác định mục tiêu là bước nền tảng, định hướng cho toàn bộ quá trình phát triển chương trình. Việc cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu cần đạt dựa trên đặc điểm năng lực của học sinh cũng như tình hình thực tế ở địa phương giúp cho giáo viên xác định được loại ngữ liệu phù hợp để làm chất liệu giảng dạy. Hay nói cách khác đó là phát triển chương trình thông qua ngữ liệu phải căn cứ, dựa trên kết quả của việc phát triển chương trình thông qua mục tiêu. Các ngữ liệu được điều chỉnh, xây dựng cần phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu đã xác định.

Tiếp đến, đặc điểm của ngữ liệu sẽ quyết định việc lựa chọn phương pháp tổ chức dạy học sao cho học sinh lĩnh hội tối đa những nội dung trong ngữ liệu. Sự hiệu quả của ngữ liệu dạy học phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp dạy học vì mỗi thể loại, kiểu loại văn bản có một đặc điểm khác nhau, đòi hỏi cách sử dụng các phương pháp dạy học cũng phải linh hoạt, đa dạng. Chẳng hạn như phương pháp sắm vai sẽ phù hợp với văn bản truyện kể, văn bản có nhiều nhân vật hơn là với văn bản thông tin. Do đó, nếu lựa chọn phương pháp dạy học không phù hợp với ngữ liệu thì sẽ khiến cho học sinh khó tiếp nhận và không đáp ứng được các mục tiêu đã đặt ra.

Cuối cùng, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được đổi mới theo hướng tiếp cận năng lực, do đó các phương pháp dạy học cũng phải được thay đổi, dẫn đến việc kiểm tra, đánh giá cũng phải thay đổi. Giáo viên cần phải lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với các phương pháp dạy học để kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng kết quả thực hiện phương pháp. Ngoài ra, việc kiểm tra, đánh giá sự đáp ứng các tiêu chí của học sinh giúp giáo viên tiến hành điều chỉnh lại mục tiêu ban đầu và tiếp tục một chu trình phát triển chương trình tiếp theo.

Như vậy, có thể thấy rằng các cách thức phát triển chương trình môn Tiếng Việt nêu trên có sự tác động lẫn nhau, cách thức này sẽ là cơ sở để tiến hành thực hành cách thức khác, tạo nên một chu trình khép kín,

giúp cho chương trình môn Tiếng Việt được cải tiến liên tục.

3.4. Một số khuyến nghị dành cho cán bộ quản lý ở các trường tiểu học

Để giáo viên có thể thực hiện tốt hoạt động phát triển chương trình môn Tiếng Việt, nghiên cứu có một số khuyến nghị dành cho cán bộ quản lý ở các trường tiểu học như sau:

Tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn: Năng lực chuyên môn và sự am hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là chìa khoá then chốt để giáo viên có thể chủ động xây dựng nội dung, lựa chọn phương pháp, thiết kế hoạt động phù hợp với đặc điểm học sinh, dẫn đến sự thành công của việc phát triển chương trình môn Tiếng Việt. Vì thế, cán bộ quản lý nhà trường cần tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên sâu, tập huấn tình huống, và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về phát triển chương trình môn Tiếng Việt để giúp giáo viên vững vàng hơn trong hoạt động dạy học, tạo tiền đề cho việc phát triển chương trình giáo dục. Các nội dung bồi dưỡng nên gắn với thực tiễn lớp học, tập trung vào kỹ năng thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực, xây dựng hoạt động học tập đa dạng, cũng như điều chỉnh nội dung phù hợp với đối tượng học sinh. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, việc tập huấn chỉ đạt hiệu quả khi giáo viên có tinh thần học hỏi, sẵn sàng đổi mới, và có nền tảng sư phạm cơ bản vững vàng. Do đó, khi tổ chức bồi dưỡng, cán bộ quản lý cần đánh giá nhu cầu thực tế của giáo viên, phân loại trình độ để thiết kế nội dung phù hợp; lựa chọn báo cáo viên/giảng viên tập huấn có kinh nghiệm thực tiễn; thiết kế các hình thức tập huấn linh hoạt; bảo đảm lộ trình và thời lượng phù hợp. Ngoài ra, giáo viên cần chủ động cập nhật kiến thức, có tinh thần học hỏi, tự nghiên cứu tài liệu chương trình, sách giáo khoa và các mô hình dạy học theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường chỉ đạo các tổ chuyên môn: Phát triển chương trình môn Tiếng Việt là hoạt động của tập thể, đòi hỏi sự tham gia của tất cả giáo viên, do đó vai trò của tổ chuyên môn là rất quan trọng. Cán bộ quản lý cần chỉ đạo thiết lập kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn theo hướng phát triển năng lực như: Xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn định kỳ có mục tiêu cụ thể, gắn với nội dung chương trình môn Tiếng Việt; hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng các chủ đề giảng dạy tích hợp, bài học theo năng lực, bài học mở; chú trọng vào quá trình xây dựng - thực hiện - điều chỉnh - đánh giá kế hoạch giáo dục môn học. Đồng thời, cần chỉ đạo đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn như: Triển khai sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; tăng cường sinh

hoạt chuyên môn liên trường, liên khối để mở rộng chia sẻ và học tập kinh nghiệm; khuyến khích xây dựng thư viện bài học tốt, ngân hàng học liệu dùng chung trong tổ. Tuy nhiên, cần lưu ý một số hạn chế như: sự thiếu gắn kết trong tổ chuyên môn, hoặc tâm lý e ngại đổi mới của một bộ phận giáo viên; nhiều tổ chuyên môn sinh hoạt còn nặng về hình thức; chưa có cơ chế ghi nhận, đánh giá hiệu quả hoạt động tổ chuyên môn, dẫn đến tâm lý “làm cho xong”; thiếu liên thông giữa các tổ chuyên môn cùng khối lớp, liên môn, khiến các chương trình phát triển thiếu gắn kết. Do đó, cán bộ quản lý cần tạo môi trường chia sẻ cởi mở, minh bạch và dân chủ trong tổ chuyên môn; cụ thể hóa tiêu chí đánh giá hiệu quả sinh hoạt chuyên môn; bố trí thời gian hợp lý cho tổ sinh hoạt, tránh xung đột với khối lượng công việc giảng dạy khác; kết hợp sinh hoạt tổ chuyên môn với hoạt động kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo tính thực tiễn. Ngoài ra, giáo viên cần xây dựng tinh thần cộng tác và trách nhiệm tập thể; cần rèn luyện năng lực phân tích chương trình môn học, xác định yêu cầu cần đạt và từ đó thiết kế nội dung, hoạt động phù hợp; rèn luyện thói quen tự học, nghiên cứu tài liệu chuyên môn để làm phong phú nội dung trao đổi trong tổ; đồng thời cần tiếp nhận phản hồi, điều chỉnh kế hoạch giáo dục môn Tiếng Việt phù hợp với thực tiễn lớp học.

Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động: Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến quá trình phát triển chương trình môn Tiếng Việt của giáo viên. Vì vậy, cán bộ quản lý nhà trường cần phải đảm bảo việc trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học (như đồ dùng trực quan, thư viện, bảng tương tác...), đường truyền internet, phòng học, bàn ghế,... đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình nhằm tạo điều kiện tối đa cho giáo viên thực hiện các hoạt động dạy học của mình, đảm bảo cho việc hiện thực hoá các ý tưởng dạy học của giáo viên. Việc đầu tư cơ sở vật chất cần có sự ưu tiên và lộ trình, tránh tình trạng dàn trải, thiếu trọng tâm. Đồng thời, giáo viên cũng cần được tập huấn sử dụng thiết bị hiệu quả, tránh lãng phí; cần có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, biết sử dụng và khai thác thiết bị dạy học, học liệu điện tử hiệu quả; cần chủ động đề xuất nhu cầu trang thiết bị cần thiết phục vụ dạy học. Nếu không có kỹ năng này, việc đầu tư cơ sở vật chất sẽ không phát huy tác dụng, gây lãng phí nguồn lực.

Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình phát triển chương trình: Đóng vai trò như một công cụ quản trị nhằm: Đảm bảo tính đúng đắn, khoa học và hiệu quả của các kế hoạch dạy học mà giáo viên xây dựng; phát hiện và nhân rộng những thực hành tốt trong phát triển chương trình; góp phần

nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên thông qua các phản hồi mang tính hỗ trợ. Cán bộ quản lý cần xây dựng hệ thống theo dõi, kiểm tra, giám sát việc phát triển chương trình dạy học ở giáo viên một cách khoa học, hoạt động này không mang tính hành chính, mà hướng đến hỗ trợ chuyên môn, phản hồi kịp thời, ghi nhận sáng tạo của giáo viên. Việc kiểm tra, giám sát phải dựa trên tiêu chí rõ ràng, công khai; việc đánh giá nên tập trung vào quá trình hơn là kết quả cuối cùng. Đồng thời, cán bộ quản lý cần đồng hành, gợi ý, tư vấn chuyên môn, thay vì chỉ phê bình hoặc đánh giá kết quả hành chính; cần kết hợp giữa đánh giá nội bộ (trong tổ chuyên môn) và đánh giá của ban giám hiệu, mở rộng mời chuyên gia ngoài trường cùng góp ý để đảm bảo tính khách quan. Tuy nhiên, cần lưu ý những hạn chế như: Tâm lý e ngại bị đánh giá của giáo viên có thể khiến việc giám sát mang tính hình thức hoặc đối phó; thiếu tiêu chí cụ thể hoặc công cụ đánh giá phù hợp dẫn đến đánh giá cảm tính, thiếu nhất quán giữa các tổ chuyên môn hoặc giữa các cán bộ quản lý; quản lý hành chính nặng nề (kiểm tra hồ sơ, giáo án, lịch báo giảng) nhưng thiếu đi sự quan sát thực tế và hỗ trợ tại lớp học khiến giáo viên bị áp lực nhưng không phát triển được năng lực thực sự. Ngoài ra, giáo viên cần có tinh thần cầu thị, sẵn sàng tiếp nhận đánh giá mang tính xây dựng, chủ động tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động chuyên môn của bản thân. Quan trọng hơn, giáo viên cần hiểu rằng kiểm tra, đánh giá là một phần trong quá trình phát triển chuyên môn bền vững.

Tăng cường trao đổi, kết nối với gia đình, cộng đồng:

Cán bộ quản lý nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ với gia đình trong việc rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt của học sinh thông qua các hình thức như họp phụ huynh chuyên đề, truyền thông qua các nền tảng trực tuyến, phát hành bản tin lớp học, nhật ký học tập...; tổ chức các hoạt động học tập có yếu tố cộng đồng. Ngoài ra, cần huy động tối đa các nguồn lực giáo dục từ xã hội để đổi mới đa dạng các hình thức, phương pháp học tập môn Tiếng Việt cho học sinh như là tổ chức các hoạt động trải nghiệm đọc, viết, kể chuyện, sân khấu hóa,... Tuy nhiên, cần lưu ý một số hạn chế như: Một bộ phận phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ vai trò của mình, hoặc chưa có thời gian, điều kiện để tham gia tích cực vào hoạt động học tập của con; việc tổ chức các

sự kiện mà không có nội dung gắn kết với chương trình dạy học hoặc không có kế hoạch sẽ gây lãng phí hoặc khó đo lường hiệu quả học tập. Đồng thời, khi huy động các nguồn lực bên ngoài cần có sự chọn lọc, không nên lạm dụng để đảm bảo chất lượng cho hoạt động giáo dục. Ngoài ra, giáo viên cần được tập huấn hoặc chia sẻ kinh nghiệm về cách xây dựng các hoạt động học tập có yếu tố cộng đồng, cũng như cách truyền thông hiệu quả với phụ huynh; cần có kỹ năng giao tiếp với phụ huynh và cần nhận thức đúng vai trò của gia đình và cộng đồng trong việc phát triển năng lực tiếng Việt cho học sinh. Sự chủ động của giáo viên trong kết nối với phụ huynh sẽ góp phần làm tăng tính hiệu quả và khả năng thích ứng của chương trình dạy học.

4. KẾT LUẬN

Phát triển chương trình giáo dục nói chung và phát triển chương trình môn Tiếng Việt nói riêng là nhiệm vụ quan trọng, có tính chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận, bài viết đã hệ thống, làm rõ một số khái niệm liên quan và đề xuất 04 cách thức cụ thể để giáo viên có thể thực hiện việc phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng tiếp cận năng lực. Đây là những cách tiếp cận có tính mở, linh hoạt, cho phép giáo viên chủ động điều chỉnh và thiết kế chương trình phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện dạy học thực tiễn. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa các cách thức phát triển chương trình, khẳng định rằng quá trình phát triển chương trình môn Tiếng Việt không nên tách rời mà cần được nhìn nhận như một chỉnh thể thống nhất, tương tác lẫn nhau để đạt hiệu quả tối ưu. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị dành cho cán bộ quản lý ở các trường tiểu học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong quá trình phát triển chương trình. Những kết quả nghiên cứu trong bài viết không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lí luận cho hoạt động phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, mà còn có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên và cán bộ quản lý trong quá trình triển khai phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] T. T. H. Lương, P. T. Hằng & H. T. Thuý, "Một số vấn đề về triển khai dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018", *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(S2), 119-125, 2022.

[2] H. H. Bình, "Năng lực và đánh giá theo năng lực", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố*

Hồ Chí Minh, 6(71), 21-32, 2015.

[3] Netherland Institute for Curriculum Development, *Curriculum in development*, 2009.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, Hà Nội, 2018.

[5] N. T. X. Yến, “Phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học thông qua ngữ liệu dạy học, giáo dục đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 20(7), 1280-1288, 2023.

[6] Đ. Đ. Bình, “Phát triển chương trình ở cấp độ lớp học (Minh họa thông qua mạch kiến thức Hình học ở Trung học cơ sở)”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 13, 76-81, 2019.

[7] V. T. Hà, T. T. H. Lương, N. T. K. Anh, B. T. Thủy & N. T. Quế, “Một số kết quả rà soát chương trình môn Ngữ văn cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21(2), 44-52, 2025.

[8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội, 2018.

[9] T. T. Q. Nga, “Nội dung cốt lõi của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp tiểu học và vấn đề phát triển năng lực phân tích chương trình cho sinh viên”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*, 2(54), 87-96, 2020.

[10] N. T. L. Phương, *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.

[11] N. T. P. Nhung, “Rèn luyện kỹ năng thích ứng

ngành nghiệp: Nghiên cứu trường hợp kỹ năng phát triển chương trình lớp học trong dạy học Toán”, *Tạp chí Giáo dục*, 22(2), 23-28, 2022.

[12] B. M. Hùng, “Chương trình môn Ngữ văn 2018 và việc đổi mới dạy học môn Tiếng Việt ở trường phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 22(2), 307-316, 2025.

[13] N. T. X. Yến, L. N. T. Khanh & L. V. Trung, *Phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2022.

[14] Đ. N. Thống, “Phương pháp dạy học Ngữ văn theo yêu cầu phát triển năng lực”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 03, 20-23, 2018.

[15] M. T. T. Dân, “Quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học theo tiếp cận năng lực: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, 41, 160-170, 2020.

[16] L. T. Thơm, “Giải pháp nâng cao năng lực dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt cho giáo viên tiểu học tại thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Giáo dục*, 22(3), 31-35, 2022.

[17] Đ. T. Đạt, Đ. T. Lai, D. Q. Ngọc, P. Đ. Quang, L. V. Thái, B. N. Diệp, Đ. V. Toàn & L. A. Tuấn, “Một số vấn đề cơ bản về phát triển chương trình môn học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 136, 26-31, 2017.

Some approaches to developing the Vietnamese language subject curriculum in primary education to meet 2018 General Education Curriculum

Nguyen Vo Quang Tin, La Mai Thanh Truc

ABSTRACT

The study was conducted to provide a theoretical foundation for four approaches to developing the Vietnamese language curriculum in primary education, including: (1) Developing the Vietnamese language curriculum through objectives; (2) Developing the Vietnamese language curriculum through linguistic materials; (3) Developing the Vietnamese language curriculum through teaching methods; and (4) Developing the Vietnamese language curriculum through assessment and evaluation. Analytical, theoretical synthesis, and generalization methods were employed to establish the theoretical foundations relevant to the research issue. The research results clearly delineated the content of each curriculum development approach, analyzed the interrelationships among these approaches, and proposed several recommendations for educational administrators in primary schools. The theoretical findings may serve as a valuable reference for primary school teachers in implementing activities to develop the Vietnamese language curriculum in alignment with the 2018 General Education Curriculum.

Keywords: 2018 General Education Curriculum, curriculum development, Vietnamese language subject, competency-based approach, primary education

Received: 24/6/2025

Revised: 21/7/2025

Accepted for publication: 11/9/2025